

Bản án số: **24/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/01/2021

V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hưng**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Ngọc Quý**

- Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Đức Hùng** - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh ngày 18/7/1980. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn IA, xã IA, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh ngày 01/6/1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Anh **Trần Văn C** và chị **Nguyễn Thị M** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Sau

một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ ngày 10/9/2019, chị M bỏ đi, để anh một mình nuôi 02 con nhỏ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 07/4/2017 và cháu Trần Tuấn P, sinh ngày 02/8/2018, hiện đều đang ở cùng anh C. Khi ly hôn, anh C xin được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản, công sức, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa, không thể đến Tòa án làm việc được nên anh Trần Văn C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cũng như phiên tòa xét xử vụ án.

- Ý kiến của chị Nguyễn Thị M: Quá trình giải quyết vụ án, chị M không trực tiếp đến Tòa án làm việc mà chỉ gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến về việc giải quyết ly hôn; đồng thời có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cũng như phiên tòa xét xử vụ án. Nội dung văn bản ghi ý kiến của chị Mích thể hiện: Chị M xác nhận việc kết hôn với anh Trần văn C là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng không được hòa thuận lắm, nhưng chị vẫn quyết tâm chung sống để nuôi các con. Ngày 30/9, chị phải về để đưa mẹ đi mổ, sau đó chị đã đặt vé để quay vào, nhưng anh C không cho vào nữa. Từ đó đến nay chị sinh sống tại thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Nay chị xác định anh C không còn tình cảm với chị nữa nên chị đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 07/4/2017 và cháu Trần Tuấn P, sinh ngày 02/8/2018, hiện đều đang ở cùng anh C. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh C được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị M xác định vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng chị để lại cho anh C để nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị áp dụng các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị M. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Chung và chị M về việc giao cho anh Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 07/4/2017 và cháu Trần Tuấn P, sinh ngày 02/8/2018; ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị M. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C, chị M về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công sức, công nợ chung. Anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Anh Trần Văn C khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị M nên đây là tranh chấp về việc Ly hôn. Chị Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú và thực tế đang sinh sống tại thôn T, xã T, huyện C, thành phố H. Do đó, theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hà Nội.

Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị M.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai ngày 12/4/2016 theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai, văn bản ghi ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy: Mâu thuẫn giữa anh C và chị M là có thật. Từ khoảng tháng 9/2019 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh C xin ly hôn, chị M đồng ý ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị M.

[3]. Về con chung: Khi ly hôn, anh C xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Anh T và cháu Trần Tuấn P, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung; chị M đồng ý giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét

thấy sự tự nguyện của hai bên không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với điều kiện thực tế nên ghi nhận, giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M.

[4]. Về tài sản, công sức và công nợ chung: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C. Cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị M về các nội dung sau:

- Giao cho anh Trần Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 07/4/2017 và cháu Trần Tuấn P, sinh ngày 02/8/2018, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thỏa thuận khác, quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Anh Trần Văn C không yêu cầu chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con chung; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị M kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thỏa thuận khác, quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị M về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công sức, công nợ chung.

4. Về án phí: Anh Trần Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Hà Nội theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0010217 ngày 27/10/2020.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn Chung và chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Ia Dom, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hưng